

Với kết cấu và nội dung như vậy, giáo trình này là tài liệu học tập, tham khảo cho cán bộ giảng dạy, sinh viên chuyên ngành xã hội học và sinh viên các ngành khoa học xã hội khác, cũng như đông đảo bạn đọc quan tâm đến xã hội học.

Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn các bạn đồng nghiệp đã động viên giúp đỡ và có những ý kiến đóng góp về mặt kết cấu, nội dung của giáo trình; xin cảm ơn Ban Biên tập Khoa học xã hội và Ban Giám đốc Nhà Xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện cho giáo trình được xuất bản.

Mặc dù đã rất cố gắng trong khi biên soạn giáo trình này, tuy nhiên không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong sự lượng thứ của độc giả và mong nhận được những đóng góp ý kiến từ phía độc giả để giáo trình hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2002

Tiến sĩ TRẦN THỊ KIM XUYẾN

Bcũ 3

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

BÀI 1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

Khác với các môn khoa học khác mà sinh viên được tiếp cận trong trường đại học, xã hội học là môn học sinh viên chưa hề nghiên cứu ở các cấp trước đại học. Đặc thù toàn bộ giáo trình này được trù tính là tài liệu *nhập môn* của xã hội học. Ngay từ đầu của giáo trình, sẽ giới thiệu với sinh viên một cách tổng quát về loại tư liệu mà họ sẽ tiếp cận trong các chương tiếp theo. Bắt đầu bằng cách lướt qua một số lí do đã ảnh hưởng tới những người quan tâm đến đối tượng này. Giáo trình này sẽ phân biệt giữa các nguyên cơ thuần túy lí thuyết và thực tiễn trong nghiên cứu xã hội học. Sau đó, sẽ chuyển sang mô tả khái quát vị trí của xã hội học trong mối liên quan với các môn khoa học xã hội khác, và bắt đầu bằng quá trình tìm hiểu xem cái gì là cơ sở trong cách tiếp cận có tính chất xã hội học vào nghiên cứu hành vi con người.

I. SỰ QUAN TÂM CỦA CON NGƯỜI ĐẾN HÀNH VI CON NGƯỜI

Xã hội học là việc làm *táo bạo* của trí tuệ, nhằm cố gắng áp dụng các thành tựu của khoa học vào tìm hiểu hành vi của con người, một biểu hiện của nỗ lực nhằm tìm ra ý nghĩa trong sự vận động liên tục của các sự vật và sự kiện trong xã hội.

Tìm hiểu hành vi con người, không phải duy nhất chỉ là công việc của các nhà xã hội học. "Con đường của người đàn ông với người đàn bà (bầy tôi Chúa)", đã kích thích trí tò mò của những người viết *Kinh thánh*, cả các nhà văn lẫn nhà thơ qua nhiều thời đại đã lao vào giải đáp câu hỏi về bản chất con người.

Nhà thơ Alexander Pope, đã đề xướng rằng: "Việc nghiên cứu bản thân con người là chính con người!". Những nhà phân tích và điều tra tội phạm, các nhà ngoại giao và thương gia, tất cả đều cam kết sẽ tìm và giải thích được ý nghĩa các sự kiện trong những tình tiết đặc trưng của hành vi con người.

Khi xem xét nguồn gốc và động lực tìm hiểu, vấn đề đầu tiên được gọi ra là một khía cạnh của bản chất con người làm chúng ta quan tâm đến trong giáo trình này: khuynh hướng của con người suy nghĩ về hành vi của bản thân và của đồng loại. Loài chó, rõ ràng không hề suy ngẫm về bản chất giống chó nếu như thật quả chúng có ý nghĩ về những điều kiện sống của bản thân. Cái gì tồn tại trong bản chất con người để thúc đẩy chúng ta có thể tìm thấy một số câu trả lời cho câu hỏi này, chúng ta có thể đoán trước sự phân tích vài nguyên nhân duy trì mối quan tâm trong xã hội học.

Một câu trả lời là, chúng ta có một số lí do rất thực tiễn để mong muốn tìm hiểu hành vi của chính ta và của những người khác. Việc tìm

hiểu để nhận thức hành vi con người, được hiện hộ bằng ước mong của nó nhằm dự đoán và kiểm tra các sự kiện xảy ra trong môi trường xung quanh con người. "Anh phải biết chân lí và chân lí sẽ làm anh tự do". Sự "nô lệ" của người nguyên thủy, thường được gắn với nỗi sợ hãi của họ trước những lực lượng *khủng khiếp* của tự nhiên quanh họ, những lực lượng mà con người hiện đại đã có thể thuần phục nhằm phục vụ cho lợi ích của mình. Trong số những khía cạnh đáng sợ nhất của môi trường xung quanh, con người có khả năng sử dụng bạo lực hay những hành động thù địch với người khác như: chiến tranh, cách mạng và tội ác nằm trong những vấn đề thường gặp của sự tồn tại con người. Việc kiểm soát những biểu hiện không mong muốn này, hoặc biểu hiện khác của hành vi con người là một trong những lí do chính đặt ra cho việc tìm hiểu hành vi ấy.

Thời thúc tìm hiểu hành vi con người, cũng còn dựa trên mong muốn hiểu biết vì bản thân nó. Việc đưa ra một lí do chặt chẽ về nguồn gốc tâm lí cho động lực này, thật không phải quá dễ dàng. Có khi linh tò mò mang tính tự nhiên của đứa trẻ về mọi khía cạnh của môi trường vẫn còn sót lại cho tới tuổi trưởng thành, mặc dù có sự trấn áp của cha mẹ đối với các biểu hiện nhiều khi phiến toái của sự tò mò ấy. Ngay cả khi bỏ qua sự tò mò bản năng, chúng ta vẫn cần phải công nhận rằng, nhiều người thường tìm cách để được công nhận là nhân vật có thẩm quyền trong một số vấn đề có nội dung đặc biệt, mà chẳng cần quan tâm nhiều đến các ứng dụng thực tế của nó. Có lẽ động cơ này, chỉ dừng lại ở chỗ gây ấn tượng đơn thuần về sự hiểu biết và mong ước được người ta biết đến theo nguyên tắc: "Anh phải biết chân lí, và như vậy chân lí sẽ đặt anh lên bàn thờ".

Các lí lẽ khác, thường được đưa ra để bảo vệ giá trị của hiểu biết ngoài áp dụng thực tiễn của nó. Một là quan điểm cho rằng, những nghiên cứu hoàn toàn thuộc về học thuật trong một lúc nào đó, có thể trở nên vô cùng thích hợp chỉ ít lâu sau đó để vạch ra những bước tiến

lớn trong việc giải quyết các vấn đề của con người. Các nhà sinh vật học đã từng nghiên cứu chu trình sống của muỗi. Trước khi bất kì ai mơ tưởng đến sự thích hợp thực tiễn của một hiểu biết như vậy. Nhưng sau đó ít lâu, khi người ta biết rằng, con muỗi là vật mang bệnh thì thông tin như vậy có ý nghĩa sống còn cho nỗ lực để tiêu diệt loài côn trùng ấy. Còn quá sớm để đòi hỏi các nhà sinh vật học phải đi sát thực tế trong nghiên cứu của họ, những kết quả nghiên cứu thuần túy này, có thể sẽ không bao giờ bị dụng đến. Cũng vậy, sự thoát khỏi yêu cầu phải phù hợp ngay lập tức đã được đề ra nhân danh nhà xã hội học. Những người đề xướng các khoa học nhân văn, thường thích nhìn thấy một kiểu giá trị khác của hiểu biết vì bản thân nó. Các bài giảng và chương trình nghiên cứu, được biện hộ bằng năng lực có thẩm quyền của họ nhằm mở rộng phạm vi ý thức con người. Vì con người khác loài vật ở khả năng tìm ra ý nghĩa của thế giới quanh họ và thế giới được thừa hưởng của tổ tiên họ. Chính thuộc tính của linh người, là mức độ ý thức được sự vật đối lập với sự tồn tại đơn thuần không có chút ý thức gì về sự vật đó. Con người phải biết được chân lí - và hành động làm họ hiểu biết sẽ làm cho họ và đồng loại cao thượng lên.

Việc những người đặt nền tảng cho môn xã hội học vào thế kỉ thứ XIX, đã được thúc đẩy do những nguyên nhân về căn bản mang tính chất thực tiễn là điều rất ít phải hoài nghi. Ở châu Âu, thế kỉ XIX là một thời kì bão táp, thể hiện ở những cuộc chiến tranh thế giới thường xuyên và các cuộc cách mạng nổ ra bên trong của nhiều nước. Đầu tiên là cách mạng Pháp, sau đó là phong trào cộng sản do Marx tiên đoán đã lôi cuốn giới trí thức châu Âu.

II. CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LÍ THUYẾT XÃ HỘI HỌC

II. 1. Các cuộc cách mạng chính trị

Cuộc đại cách mạng tư sản Pháp (1789), là kết quả và cũng là sự

khởi đầu cho nhiều cuộc cách mạng về chính trị được tiến hành suốt thế kỉ thứ XVIII và XIX. Các cuộc cách mạng chính trị này, là nhân tố gần nhất đối với việc phát sinh quá trình hệ thống hóa lí thuyết xã hội học. Tác động của những cuộc cách mạng đó đối với xã hội của nhiều quốc gia là rất to lớn và tạo ra những kết quả tích cực trong sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, nhân tố gây sự thu hút của nhiều nhà lí thuyết xã hội học thời kì đầu, không phải là những mặt tích cực, mà là những hệ quả tiêu cực của những biến đổi xã hội. Những nhà nghiên cứu này, đặc biệt quan tâm đến những hậu quả hỗn độn và vô trật tự, nhất là ở Pháp. Họ kết hợp lại với nhau bởi ước vọng văn hồi trật tự cho xã hội. Một số nhà tư tưởng cực đoan trong thời kì này, nói một cách chính xác - còn muốn quay trở lại với những ngày tháng an bình và tương đối có trật tự của thời Trung cổ. Những nhà tư tưởng cấp tiến thì nhận ra rằng, các biến chuyển xã hội đã làm cho sự quay ngược về quá khứ như thế là điều không thể xảy ra. Do đó, họ tìm kiếm các nền tảng trật tự mới trong các xã hội đã bị xáo trộn bởi các cuộc cách mạng chính trị trong thế kỉ XVIII và XIX. Mối quan tâm đến vấn đề trật tự xã hội, là một trong những quan tâm hàng đầu của các nhà lí thuyết xã hội học cổ điển, đặc biệt là A. Comte và E. Durkheim.

II. 2. Cách mạng công nghiệp và sự hình thành chủ nghĩa tư bản

Cuộc cách mạng công nghiệp, đã *quét qua* xã hội của nhiều nước phương Tây, chủ yếu là trong thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, ít nhất cũng có tầm quan trọng như cách mạng chính trị trong việc định hình học thuyết xã hội. Nó không phải là một sự kiện riêng lẻ mà là nhiều bước phát triển có lương quan chặt chẽ với nhau đã lên tới đỉnh tột cùng trong bước chuyển biến của xã hội phương Tây từ một hệ thống xã hội nông nghiệp truyền thống, sang một hệ thống xã hội công nghiệp hiện đại. Những lượng người đông đảo rời bỏ nông trại và công việc đồng áng để làm những nghề công kĩ nghệ đang được các công xưởng, nhà máy

vừa nảy nở chào mời. Các bộ máy điều hành kinh tế nảy sinh, để cung cấp nhiều dịch vụ cần thiết cho công nghệ và hệ thống kinh tế tư bản đang phát triển. Trong nền kinh tế này, cái lí tưởng là một thị trường tự do nơi nhiều sản phẩm của hệ thống công nghệ có thể được trao đổi. Trong phạm vi hệ thống này, một số ít hưởng lợi nhuận rất lớn, trong khi số đông phải lao động nhiều giờ cho một mức lương chết đói. Sự phản kháng lại hệ thống công nghệ và tiếp đó là chủ nghĩa tư bản nói chung dẫn tới phong trào công nhân, cũng như nhiều phong trào cấp tiến khác nhằm mục tiêu lật đổ hệ thống chủ nghĩa tư bản.

Cách mạng công nghiệp, chủ nghĩa tư bản và sự phản kháng chống lại chúng, tất cả đều có liên quan đến một biến động lớn lao trong xã hội phương Tây, một biến động đã có tác động to lớn đến các nhà xã hội học. Bốn nhân vật chủ yếu trong thời kì đầu của lịch sử học thuyết xã hội: Karl Marx, Max Weber, Emile Durkheim và Georg Simmel - cũng như nhiều nhà tư tưởng khác, đã chú tâm tới những thay đổi và các hệ quả do chúng tạo ra đối với xã hội ở ý nghĩa là một tổng thể. Những người này, đã cố gắng hiểu cả đời mình để nghiên cứu các vấn đề xã hội; và họ đã nỗ lực phát triển những chương trình nhằm giải quyết chúng.

II. 3. Sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội

Tập hợp các thay đổi nhằm mục tiêu đương đầu với sự vượt quá giới hạn của hệ thống công nghiệp và chủ nghĩa tư bản có thể kết hợp dưới cái tiêu đề "chủ nghĩa xã hội". Mặc dù một số nhà xã hội học ủng hộ cho chủ nghĩa xã hội như là một giải pháp đối với các vấn đề công nghệ, đa số lại chống đối nó với tư cách cá nhân và về mặt nhận thức. Ở một phía là Karl Marx, một người nhiệt tình tán thành việc lật đổ hệ thống tư bản và thay thế nó bằng hệ thống xã hội chủ nghĩa. Và Karl Marx đã dành một lượng thời gian rất lớn để phê phán các khía cạnh khác nhau của xã hội tư bản. Ngoài ra, ông còn tham gia vào nhiều hoạt động chính trị đa dạng mà ông hi vọng rằng, chúng có thể giúp ích cho việc đem tới sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, K. Marx là một nhân vật không điển hình của thời kì đầu của lí thuyết xã hội học. Phần lớn các nhà lí thuyết thời kì đầu, như M. Weber và E. Durkheim, đều phản đối chủ nghĩa xã hội (ít nhất là như nó đã được hình dung ra bởi K. Marx). Mặc dù họ nhận ra các vấn đề không phù hợp trong xã hội tư bản, nhưng họ tìm kiếm các cải cách xã hội ngay trong lòng của chủ nghĩa tư bản hơn là một cuộc cách mạng xã hội theo kiểu của K. Marx. Họ sợ chủ nghĩa xã hội hơn là sợ chủ nghĩa tư bản. Nỗi sợ hãi này, đóng một vai trò rất sâu sắc và to lớn trong việc định hình lí thuyết xã hội học. Thật sự, như chúng ta đã thấy, trong nhiều trường hợp, học thuyết xã hội đã phát triển trong quá trình phản ứng lại lí thuyết của K. Marx và, nói chung là với lí thuyết về xã hội chủ nghĩa.

II. 4. Sự đô thị hóa

Một phần kết quả của cách mạng công nghiệp, là một số đông dân chúng ở thế kỉ XIX và XX đã rời bỏ quê hương ở các vùng nông thôn để chuyển tới các khu vực đang hình thành đô thị. Sự di cư khổng lồ này gây ra phần nhiều là bởi việc làm được tạo ra từ hệ thống công nghiệp trong các khu đô thị. Nhưng nó cũng mang đến vô số khó khăn cho những người đang tự điều chỉnh cho phù hợp với đời sống đô thị. Ngoài ra, sự mở rộng các đô thị xuất hiện một loạt vô tận những vấn đề của nó - quá tải dân số, sự ô nhiễm, tiếng ồn, giao thông ách tắc v.v... Bản chất của đời sống đô thị và những vấn đề của nó thu hút sự quan tâm của nhiều nhà xã hội học thời kì đầu, đặc biệt là Max Weber và Georg Simmel. Thực tế, trường phái chính và đầu tiên của xã hội học Mỹ, trường phái Chicago, phần lớn đã được xác định bởi sự quan tâm của nó đến thành thị và việc nó đã sử dụng Chicago như một phòng thí nghiệm để nghiên cứu về sự đô thị hóa và các vấn đề của nó.

II. 5. Các thay đổi tôn giáo

Các thay đổi xã hội đã được mang lại bởi các cuộc cách mạng

chính trị, cách mạng công nghệ và sự đô thị hóa đã có những ảnh hưởng trực tiếp tới tín ngưỡng tôn giáo. Nhiều nhà xã hội học thời kì đầu, có nguồn gốc xuất thân từ một nền tảng tôn giáo, có quan hệ tích cực, và trong nhiều trường hợp còn mang tính chuyên nghiệp về tôn giáo. Họ mang tới cho môn xã hội học những đối tượng giống như trong đời sống tôn giáo của họ. Họ mong ước cải thiện đời sống của mọi người. Đối với một số người (như A. Comte), xã hội học được chuyển hóa thành một tôn giáo. Đối với một số khác, các lí thuyết xã hội học của họ chịu ảnh hưởng tôn giáo một cách rõ rệt, thậm chí còn mang sắc thái tôn giáo. Một trong những công trình chủ yếu của E. Durkheim đã viết về tôn giáo. Một bộ phận lớn các công trình của M. Weber được dành cho các tôn giáo trên thế giới. K. Marx, cũng vậy, đã có một mối quan tâm về tôn giáo, nhưng ông thiên về hướng phê phán nhiều hơn.

II. 6. Ảnh hưởng của sự phát triển khoa học

Trong quá trình phát triển của lí thuyết xã hội học, ngày càng có một dấu ấn mạnh mẽ của khoa học trong toàn xã hội, với ý nghĩa là một lồng thể. Các sản phẩm kĩ nghệ - khoa học đã thấm thấu vào mọi lĩnh vực của đời sống, và khoa học đã đạt được một thanh thế lớn lao. Những gì có quan hệ tới các khoa học có nhiều thành công nhất (vật lí, hóa học, sinh học), chiếm được những vị trí danh dự trong xã hội. Các nhà xã hội học (đặc biệt là A. Comte và E. Durkheim), ngay từ đầu đã bị tác động mạnh bởi khoa học; và nhiều người muốn có một môn xã hội học hiện đại theo sau các thành công khoa học của vật lí và sinh học. Tuy nhiên, chẳng bao lâu đã nảy ra một cuộc tranh cãi giữa những người hoàn toàn chấp nhận một khuôn mẫu khoa học và những người (như M. Weber) cho rằng, các đặc thù riêng biệt của đời sống xã hội khiến cho việc theo đuổi hoàn toàn một khuôn mẫu khoa học như thế là rất khó khăn và kém phát triển. Vấn đề về mối quan hệ giữa xã hội học và khoa học, còn tiếp tục tranh cãi đến tận hôm nay, dù ngay cả một cái nhìn thoáng qua các báo chí chủ chốt về lĩnh vực này cũng cho thấy rằng, những người

ủng hộ chủ trương xã hội học là một khoa học chiếm ưu thế hơn.

Chỉ có một vài yếu tố xã hội chính, đóng vai trò chủ chốt trong những năm đầu của lí thuyết xã hội học. Tác động của những yếu tố này, sẽ được làm rõ khi chúng ta thảo luận về các lí thuyết gia và những lí thuyết khác nhau trong nội dung của giáo trình.

Mặc dù các yếu tố xã hội là quan trọng, tiêu điểm đầu tiên của chương này là các trào lưu tư tưởng đã đóng vai trò trung tâm trong sự định hình lí thuyết xã hội học. Trong thế giới thực tại, dĩ nhiên không thể tách rời các nhân tố tri thức khỏi các lực lượng xã hội. Ví dụ như trong thảo luận về trào lưu Ánh sáng sau đây, chúng ta sẽ thấy rằng trào lưu này có mối quan hệ mật thiết, và trong nhiều trường hợp đã cung cấp các nền tảng nhận thức cho các biến đổi xã hội đã nêu trên.

III. TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG ÁNH SÁNG VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA LÍ THUYẾT XÃ HỘI HỌC

Nhiều trào lưu tư tưởng đã định hình sự phát triển của lí thuyết xã hội học trong phạm vi hồi cảnh mỗi nước, nơi các ảnh hưởng của chúng có thể thấy rõ nhất. Chúng ta bắt đầu với trào lưu Ánh sáng và các ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của lí thuyết xã hội học ở Pháp.

Theo quan điểm của nhiều nhà quan sát, trào lưu Ánh sáng thiết lập nên một bước phát triển mang tính phê phán trong phạm vi các tiến triển về sau này của xã hội học. Trào lưu Ánh sáng là một thời kì đáng lưu ý của sự phát triển trí thức và thay đổi về tư duy triết học. Một số tư tưởng và niềm tin đã đứng vững lâu đời - nhiều cái trong số này có quan hệ tới đời sống xã hội - đã bị lật đổ và thay thế trong thời kì trào lưu Ánh sáng. Các tư tưởng gia nổi bật nhất có liên quan tới trào lưu Ánh sáng là các nhà triết học Pháp Charles Montesquieu (1689 -1755) và Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778). Tuy nhiên, ảnh hưởng của trào lưu Ánh sáng đối với lí thuyết xã hội học có tính chất gián tiếp và tiêu cực hơn là trực tiếp và tích cực. Như Irving Zeitlin đã nhận xét: "Xã hội học thời kì

đầu đã phát triển như là một sự phản ứng lại trào lưu Ánh sáng”.

Các nhà tư tưởng có liên quan tới trào lưu Ánh sáng, trên hết, thường bị ảnh hưởng bởi hai dòng tư tưởng - triết học thế kỉ XVII và khoa học.

Triết học thế kỉ XVII liên quan tới các công trình của các tư tưởng gia như René Descartes, Thomas Hobbes, John Locke. Dấu ấn là ở sự sản sinh ra các hệ tư tưởng vĩ đại, phổ quát và rất trừu tượng đã tạo nên phán đoán duy lý. Các tư tưởng gia có liên quan tới trào lưu Ánh sáng về sau không phản bác ý tưởng rằng, các hệ tư tưởng cần phải phổ quát và phải tạo nên các phán đoán lí tính, nhưng họ có những nỗ lực to lớn hơn để thu nhận các ý tưởng từ thế giới thực tại và kiểm chứng chúng trong thực tại. Nói cách khác, họ muốn kết hợp nghiên cứu thực nghiệm với nguyên nhân. Khuôn mẫu cho điều này là khoa học, nhất là vật lí học của I. Newton. Ở điểm này, chúng ta nhìn thấy sự nảy sinh của việc ứng dụng các phương pháp khoa học vào các vấn đề xã hội. Ở một cấp độ khác, các tư tưởng gia thuộc trào lưu Ánh sáng, không chỉ muốn các ý tưởng của họ, ít nhất là một phần, được trích ra từ thế giới thực tại, họ còn muốn chúng phải có ích cho thế giới xã hội, đặc biệt là ở các phân tích phê phán về thế giới đó.

Bao trùm lên tất cả, trào lưu Ánh sáng được xác định bởi niềm tin, mọi người có thể nhận thức và kiểm soát được vũ trụ bằng các phương tiện của nghiên cứu duy lý và thực nghiệm. Quan điểm như thế xuất phát từ lí do, thế giới vật chất được chi phối bởi các qui luật tự nhiên, và ngay cả thế giới xã hội cũng tương tự như vậy. Từ đó, nhà triết học sử dụng lí tính và nghiên cứu để khám phá ra các qui luật xã hội này. Một khi họ đã thấu hiểu thế giới xã hội vận hành ra sao, những nhà tư tưởng của trào lưu Ánh sáng xác định được mục tiêu thực hành - đó là sự sáng tạo ra một thế giới “tốt đẹp”, hợp lí hơn.

Với sự nhấn mạnh vào vai trò của lí tính, các triết gia Ánh sáng có

khuyênh hướng phản bác niềm tin vào các quyền lực truyền thống. Khi những tư tưởng gia này kiểm nghiệm các giá trị và thể chế truyền thống: họ thường thấy rằng, chúng bất hợp lí - tức là trái ngược với bản chất con người cũng như kim hãm sự trưởng thành và phát triển của con người. Nhiệm vụ của các tư tưởng gia thực hành và có định hướng thay đổi của trào lưu Ánh sáng là khắc phục các hệ thống bất hợp lí này.

Một nhà tư tưởng chịu tác động trực tiếp và tích cực của tư tưởng trào lưu Ánh sáng là Karl Marx, nhưng ông hình thành các ý tưởng lí thuyết đầu tiên của mình ở Đức. Trên bề mặt, chúng ta có thể cho rằng, các lí thuyết xã hội học cổ điển của Pháp, cũng như lí thuyết của K. Marx, đã chịu ảnh hưởng trực tiếp và tích cực từ trào lưu Ánh sáng. Nhưng cuối cùng, xã hội học Pháp có trở nên duy lý, thực chứng, khoa học và có định hướng thay đổi không? Câu trả lời là có, nhưng chỉ sau khi nó được định hình bởi một tập hợp những tư tưởng đã phát triển trong tiến trình phản ứng lại trào lưu Ánh sáng. Theo quan điểm của Seidman: “Ý thức hệ của phe chống lại trào lưu Ánh sáng, tiêu biểu cho một hình ảnh đảo ngược của chủ nghĩa tự do từ trào lưu Ánh sáng”. Từ vị trí tiền đề của các nhà lí thuyết hiện đại, chúng ta có thể tìm ra ở các nhà phê phán trào lưu Ánh sáng một linh cảm truyền thống rất mạnh mẽ. Như chúng ta đã thấy, xã hội học nói chung và xã hội học Pháp nói riêng, ngay từ buổi đầu đã là một sự pha trộn không thuần nhất giữa các tư tưởng tích cực của trào lưu Ánh sáng và phản đối trào lưu Ánh sáng.

Hình thức cực đoan nhất của sự phản đối các tư tưởng trào lưu Ánh sáng là triết học phản cách mạng Thiên chúa giáo, mà đại biểu là các tư tưởng của Louis De Bonald (1754 - 1840) và Joseph De Maistre (1753 - 1821). Những người này phản ứng chống lại không chỉ trào lưu Ánh sáng mà cả cuộc đại cách mạng Pháp, mà họ phần nào đó xem là một sản phẩm của các đặc tính tư duy của trào lưu Ánh sáng. Chẳng hạn, De Bonald đã khó chịu bởi các thay đổi từ cuộc cách mạng và ước ao được quay về sự thanh bình, hòa hợp của thời Trung cổ. Theo quan

điểm này, Thượng đế là cội nguồn của xã hội; do đó, lí tính - cái rất quan trọng đối với các triết gia Ánh sáng, được coi là thấp kém hơn các niềm tin tôn giáo truyền thống. Ngoài ra, từ niềm tin rằng Thượng đế đã tạo ra xã hội, người ta không nên làm xáo trộn nó và không nên cố tìm cách làm thay đổi một sự sáng tạo thiêng liêng thần thánh. Hơn nữa, De Bonald phản đối mọi cái phá hoại những thiết chế truyền thống như chế độ gia trưởng, một vợ một chồng, chế độ quân chủ và nhà thờ Thiên chúa giáo. Gợi lập trường của De Bonald là bảo thủ là đã giảm bớt đi ý nghĩa của vấn đề. Mặc dù De Bonald tiêu biểu cho một hình thức cực đoan của các phản ứng bảo thủ, công trình của ông tạo nên một sự giới thiệu hữu ích đối với các tiên đề chung của nó. Phe Bảo thủ ngoan cố làm ngơ khỏi cái mà họ gọi là chủ nghĩa duy lí "ngây thơ" của trào lưu Ánh sáng. Họ không những không nhận ra các phương diện bất hợp lí của đời sống xã hội mà còn qui cho chúng những giá trị lịch cực. Từ đó, họ coi những hiện tượng như truyền thống, sự tưởng tượng, tính đa cảm và tôn giáo là những thành tố có ích và cần thiết của đời sống xã hội. Họ không thích sự biến động và tìm cách duy trì trật tự đang tồn tại, họ than phiền về các phát triển như cuộc đại cách mạng Pháp và cách mạng công nghệ, mà họ xem là những lực lượng phá hoại. Phe bảo thủ có khuynh hướng đề cao vai trò của trật tự xã hội, một sự đề cao đã trở thành chủ đề chính yếu trong công trình của nhiều lí thuyết gia xã hội học.

Zeitlin đã vạch ra mười vấn đề chủ yếu mà ông xem là phát sinh từ sự phản ứng của phe Bảo thủ và đã cung cấp cơ sở cho sự phát triển của lí thuyết xã hội học cổ điển Pháp như sau:

1. Trong lúc các tư tưởng gia Ánh sáng có khuynh hướng đề cao cá nhân, phản ứng bảo thủ dẫn tới một mối quan tâm và đề cao về xã hội học chủ yếu đối với xã hội và các hiện tượng ở tầm vĩ mô khác. Xã hội được xem như là một cái gì đó hơn là chỉ đơn giản là một tập hợp các cá nhân. Xã hội được nhìn thấy như là nó tự tồn

tại bởi tự thân của nó, với những qui luật phát triển riêng bất nguồn sâu xa từ quá khứ của nó;

2. Xã hội là đơn vị quan trọng nhất để phân tích; nó được xem là quan trọng hơn nhiều so với cá nhân. Chính xã hội đã sản sinh ra các cá nhân, bắt nguồn từ tiến trình của sự xã hội hóa;

3. Cá nhân chưa bao giờ được xem là yếu tố cơ bản nhất trong lòng xã hội. Một xã hội bao gồm các thành tố như các vai trò, các vị thế, các mối quan hệ, các cấu trúc và các thiết chế. Các cá nhân được coi là không có ý nghĩa gì ngoài việc phủ đầy những đơn vị này trong lòng xã hội;

4. Các bộ phận của xã hội được xem như là có mối quan hệ tương hỗ và phụ thuộc lẫn nhau. Thật sự, các mối quan hệ tương hỗ này là nền tảng chủ yếu của xã hội. Quan điểm này dẫn tới một định hướng chính trị bảo thủ. Đó là, bởi vì các bộ phận được duy trì trong mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, điều tiếp theo sẽ là việc làm xáo trộn một bộ phận sẽ dẫn tới sự phá huỷ của các bộ phận khác; và cuối cùng, của cả một hệ thống với ý nghĩa là một tổng thể;

5. Các thay đổi được xem như một mối đe dọa không chỉ đối với xã hội và các thành tố của nó mà còn đối với các cá nhân trong xã hội. Các bộ phận trong xã hội được xem là sự thỏa mãn các nhu cầu của mọi người. Khi các thiết chế bị phá vỡ, mọi người sẽ phải gánh chịu, và sự gánh chịu hậu quả của họ sẽ dẫn tới sự hỗn loạn của xã hội;

6. Khuynh hướng chung nhất là xem các bộ phận ở tầm vĩ mô của xã hội có ích cho cả xã hội và những cá thể bên trong nó. Hậu quả là, có rất ít mong muốn tìm kiếm các ảnh hưởng tiêu cực của cấu trúc xã hội và các thiết chế xã hội đang tồn tại;

7. Các đơn vị nhỏ, như gia đình, hàng xóm, tôn giáo và các

nhóm nghề nghiệp, cũng được xem là cơ sở đối với các cá thể và xã hội. Chúng tạo ra những môi trường thân thiết, gần gũi mà mọi người cần để sống còn trong các xã hội hiện đại;

8. Có một khuynh hướng xem những thay đổi khác nhau của xã hội hiện đại như công nghiệp hóa, đô thị hóa, và hành chính hóa như là những ảnh hưởng gây ra sự hỗn loạn vô tổ chức. Những thay đổi này được quan sát với sự lo âu và sợ hãi, và có một sự đề cao các đường lối phát triển để xử lý các ảnh hưởng phá hoại của chúng;

9. Trong khi đa phần những thay đổi đáng sợ này dẫn tới một xã hội duy lý hơn, phản ứng bảo thủ dẫn tới sự đề cao tầm quan trọng của các nhân tố phi lý (ví dụ, các nghi thức, lễ hội, việc thờ cúng, v.v...) trong đời sống xã hội;

10. Cuối cùng là những người bảo thủ ủng hộ cho sự tồn tại của một hệ thống phân chia đẳng cấp trong xã hội. Người ta cho việc có một hệ thống phân biệt địa vị và sự thụ hưởng là điều quan trọng đối với xã hội.

Mười nhận định trên, nảy sinh từ phản ứng của phe Bảo thủ đối với trào lưu Ánh sáng, cần được xem là cơ sở tri thức trực tiếp của sự phát triển lý thuyết xã hội học ở Pháp. Nhiều ý tưởng trong số đó đã đi vào các tư tưởng xã hội học thời kì đầu, mặc dù một số tư tưởng của trào lưu Ánh sáng (ví dụ, chủ nghĩa thực nghiệm) cũng đã có ảnh hưởng.

Sự gián đoạn giữa trào lưu Ánh sáng và phản Ánh sáng, Seidman cho rằng, cũng có những mối liên tục và kết nối. Đầu tiên, phe phản Ánh sáng thực hiện các truyền thống khoa học đã phát triển trong trào lưu Ánh sáng. Thứ hai, nó chọn lọc được thể mạnh của trào lưu Ánh sáng đối với các tập thể (khác với các cá thể) và đã mở rộng nó nhiều hơn nữa. Thứ ba, cả hai đều có sự quan tâm đến các vấn đề của thế giới hiện đại, đặc biệt là các ảnh hưởng tiêu cực của nó lên các cá nhân.

BÀI 2

CÁC LÝ THUYẾT KINH ĐIỂN XÃ HỘI HỌC

I. PHÁC THẢO NIÊN ĐẠI KHỞI ĐẦU CỦA LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC

Trước khi nghiên cứu các trào lưu xã hội học và vai trò của các nhà kinh điển của xã hội học, chúng ta cũng cần xem xét về niên đại xuất hiện của xã hội học. Đây là một vấn đề phức tạp, vì người ta không thể thực sự xác định thời điểm khởi đầu chính xác của các lý thuyết xã hội. Con người đã tư duy, và phát triển các lý thuyết về đời sống xã hội từ rất sớm trong lịch sử. Nhưng chúng ta sẽ không quay lại những thời kì đầu trong lịch sử Hi Lạp hay La Mã, hoặc ngay cả thời Trung cổ. Chúng ta cũng sẽ không quay về ngay cả thế kỉ XVII, mặc dù gần đây Olson đã *truy nguyên* truyền thống xã hội học ngược đến giữa những năm 1600. Điều này, không phải là do con người ở các thời kì đó không có các tư tưởng xã hội học thích đáng, mà bởi vì thu hoạch từ sự đầu tư của chúng ta vào thời gian rất nhỏ nhoi; chúng ta sẽ phải mất rất nhiều thì giờ chỉ để thu được rất ít ý tưởng phù hợp với xã hội học hiện đại. Trong bất cứ trường hợp nào, không một nhà tư tưởng nào gắn liền với các kỉ nguyên đó tự cho họ là nhà xã hội học, và hiện nay rất ít người trong số đó được coi là nhà xã hội học. Chỉ đến những năm 1800, chúng ta mới bắt đầu